

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK XANH PÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3020/BVĐKXP-DD
V/v: Chào giá cung cấp suất ăn tại
Trung tâm Kỹ thuật cao và Tiêu
hóa Hà Nội thuộc Bệnh viện Đa
khoa Xanh Pôn năm 2025-2026
Lần 2

Hà Nội, ngày 6 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Các nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1033/ QĐ-BVĐKXP ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn về việc phê duyệt chủ trương công việc: Cung cấp suất ăn tại Trung tâm Kỹ thuật cao và Tiêu hóa Hà Nội thuộc Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn năm 2025-2026.

Hiện nay, Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá suất ăn để tham khảo, xây dựng giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Cung cấp suất ăn tại Trung tâm Kỹ thuật cao và Tiêu hóa Hà Nội thuộc Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn năm 2025 - 2026”. Bệnh viện kính mời các đơn vị, doanh nghiệp có chức năng cung cấp suất ăn, có đủ năng lực, kinh nghiệm gửi hồ sơ báo giá cho Bệnh viện với các nội dung sau:

1. Báo giá suất ăn:

- Số lượng suất ăn: Tại Phụ lục I.

- Mã thực đơn suất ăn: Tại Phụ lục II.

- Báo giá theo mẫu: Tệp phụ lục III (Báo giá chi tiết các bữa ăn).

2. Hồ sơ năng lực của các nhà cung cấp.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Địa điểm tiếp nhận báo giá: Bộ phận Văn thư - Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn, số 12 phố Chu Văn An, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0243.734.2368

- Thời gian tiếp nhận chào giá: Từ 08h00 ngày 06 tháng 8. năm 2025 đến trước 17h00 ngày 12 tháng 8. năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày phát hành.

Rất mong nhận được sự quan tâm của quý vị./. *lunh*

Nơi nhận :

- Ban Giám đốc (để b/c);
- Nhà cung cấp;
- Lưu: VT, Dinh dưỡng (5).



Nguyễn Đức Long

PHỤ LỤC 01:
SỐ LƯỢNG SUẤT ĂN

(Kèm theo Công văn số 3020 /BVĐKXP-DD ngày 6 / 8 /2025
của Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn)

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng/ ngày	Số lượng/ năm	Ghi chú
1	Suất ăn Bệnh nhân phòng điều trị TYC (phòng loại 2,3)	Suất/ BN/ngày	38	13.870	03-06 bữa/ ngày (Chi tiết tại mục 1 Phụ lục 2)
2	Suất ăn Bệnh nhân phòng điều trị TYC (phòng loại đặc biệt, loại 1)	Suất/ BN/ngày	7	2.555	03-06 bữa/ ngày (Chi tiết tại mục 2 Phụ lục 2)
3	Suất ăn Bệnh nhân trong ngày	Suất/ BN/bữa		100	03 bữa/ ngày (Chi tiết tại mục 3 Phụ lục 2)
4	Suất ăn Bệnh nhân sau nội soi	Suất/ BN/bữa	30	9.360	01 bữa/ ngày (Chi tiết tại mục 4 Phụ lục 2)
5	Suất ăn Người bệnh sử dụng gói DV hỗ trợ và chăm sóc khách hàng tại phòng khám (Nâng cao- Toàn diện)	Suất/ BN/bữa		100	01 bữa/ ngày (Chi tiết tại mục 5 Phụ lục 2)
6	Suất ăn Người nhà bệnh nhân phòng điều trị TYC (phòng loại đặc biệt)	Suất/ người/ ngày		100	01 bữa/ ngày (Chi tiết tại mục 6 Phụ lục 2)

PHỤ LỤC 02:
MÃ THỰC ĐƠN SUẤT ĂN

(Kèm theo Công văn số 3020 /BVĐKXP-DD ngày 6 / 8 /2025
của Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn)

1. Suất ăn bệnh nhân phòng điều trị theo yêu cầu loại 2, loại 3:

TT	Ký hiệu	Giá trị dinh dưỡng	Dạng chế biến, số bữa/ngày
1	KTC TYC 2-3-BT01	E: 1500 - 1800, P: 55 - 70g	3 bữa chính kèm tráng miệng
2	KTC TYC 2-3-BT02	E: 1800 - 2100, P: 70 - 100g	3 bữa chính kèm tráng miệng
3	KTC TYC 2-3-BT03	E: 1000 – 1300, P: 35 – 45g	Mềm, 4 bữa
4	KTC TYC 2-3-BT04	E: 1300 – 1500, P: 45 – 55g	Mềm, 4 bữa
5	KTC TYC 2-3-DD01	E: 1500 - 1800, P: 65 – 80g	3 bữa chính kèm tráng miệng
6	KTC TYC 2-3-DD02	E: 1800 - 2100, P: 80 - 95g	3 bữa chính kèm tráng miệng
7	KTC TYC 2-3-NK01	E: 250 - 300, P: rất ít	Nước cháo 6 bữa
8	KTC TYC 2-3-NK02	E: 300 - 400, P: 10g	Cháo thịt nạc 6 bữa
9	KTC TYC 2-3-NK03	E: 400 - 500, P: 10g	Cháo thịt nạc 6 bữa
10	KTC TYC 2-3-NK04	E: 200 kcal, Carbohydrate: 50g	Nước carbohydrate trong 400ml
11	KTC TYC 2-3-TM01	E: 1500 - 1800, P: 50 – 65g	3 bữa chính kèm tráng miệng
12	KTC TYC 2-3-TM02	E: 1800 - 2100, P: 65 - 80g	3 bữa chính kèm tráng miệng
13	KTC TYC 2-3-HP01	E: 900, P: 30 – 35g	Lỏng, 3 bữa

TT	Ký hiệu	Giá trị dinh dưỡng	Dạng chế biến, số bữa/ngày
14	KTC TYC 2-3-HP02	E: 900, P: 40 - 45g	Lỏng, 3 bữa
15	KTC TYC 2-3-HP03	E: 500-600,P: 25-30 g	Sữa, 3 bữa

2. Suất ăn Bệnh nhân phòng điều trị theo yêu cầu loại 1, loại đặc biệt

TT	Ký hiệu	Giá trị dinh dưỡng	Dạng chế biến, số bữa/ngày
1	KTC TYC 1-ĐB -BT01	E: 1500 – 1800, P: 55 – 70g	3 bữa chính kèm tráng miệng
2	KTC TYC 1-ĐB -BT02	E: 1800 – 2100, P: 70 – 100g	3 bữa chính kèm tráng miệng
3	KTC TYC 1-ĐB -BT03	E: 1000 – 1300, P: 35 – 45g	Mềm, 4 bữa
4	KTC TYC 1-ĐB -BT04	E: 1300 – 1500, P: 45 – 55g	Mềm, 4 bữa
5	KTC TYC 1-ĐB-DD01	E: 1500 – 1800, P: 65 – 80g	3 bữa chính kèm tráng miệng
6	KTC TYC 1-ĐB -DD02	E: 1800 – 2100, P: 80 – 95g	3 bữa chính kèm tráng miệng
7	KTC TYC 1-ĐB-NK01	E: 250 – 300, P: rất ít	Nước cháo 6 bữa
8	KTC TYC 1-ĐB-NK02	E: 300 – 400, P: 10g	Cháo thịt nạc 6 bữa
9	KTC TYC 1-ĐB-NK03	E: 400 – 500, P: 10g	Cháo thịt nạc 6 bữa
10	KTC TYC 1-ĐB-NK04	E: 200 kcal, Carbohydrate: 50g	Nước carbohydrate trong 400ml
11	KTC TYC 1-ĐB-TM01	E: 1500 – 1800, P: 50 – 65g	3 bữa chính kèm tráng miệng
12	KTC TYC 1-ĐB-TM02	E: 1800 – 2100,	3 bữa chính kèm tráng

TT	Ký hiệu	Giá trị dinh dưỡng	Dạng chế biến, số bữa/ngày
		P: 65 – 80g	miệng
13	KTC TYC 1-ĐB-HP01	E: 900, P: 30 – 35g	Lỏng, 3 bữa
14	KTC TYC 1-ĐB-HP02	E: 900, P: 40 - 45g	Lỏng, 3 bữa
15	KTC TYC 1-ĐB-HP03	E: 600-800, P:30-40 g	Sữa, 3 bữa

3. Suất ăn bệnh nhân chăm sóc trong ngày:

TT	Ký hiệu	Giá trị dinh dưỡng	Dạng chế biến, số bữa/ngày
1	KTC TN1	E: 300 – 320 kcal, P: 20-25g	Mềm, 1 bữa
2	KTC TN2	E: 600 - 680 kcal, P: 40-50g	Cơm, 1 bữa

4. Suất ăn bệnh nhân sau nội soi:

TT	Ký hiệu	Giá trị dinh dưỡng	Dạng chế biến, số bữa/ngày
1	KTC NS1	E: 300 – 320 kcal, P: 20-25g	Cháo, 1 bữa
2	KTC NS2	E: 200 - 250 kcal, P: 10 -15g	Bánh + sữa + nước, 1 bữa

5. Suất ăn Người bệnh sử dụng DV hỗ trợ và chăm sóc khách hàng tại phòng khám TT KTC (Nâng cao- Toàn diện)

TT	Ký hiệu	Giá trị dinh dưỡng	Dạng chế biến, số bữa/ngày
1	KTC TD01	E: 300 – 320 kcal, P: 20-25g	Mềm, 1 bữa
2	KTC TD02	E: 600 - 680 kcal, P:	Cơm, 1 bữa

		40-50g	
--	--	--------	--

6. Suất ăn Người nhà bệnh nhân phòng điều trị TYC loại đặc biệt:

TT	Ký hiệu	Giá trị dinh dưỡng	Dạng chế biến, số bữa/ngày
1	KTC TYC NN01	E: 1800 – 2000, P: 70 - 100g	Cơm 3 bữa chính

VI
 HC
 P
 ★

PHỤ LỤC 03:
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 30.20 /BVĐKXP-DD ngày 6 / 8 /2025
của Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn)

BÁO GIÁ

Kính gửi:(ghi rõ tên của chủ đầu tư yêu cầu báo giá)

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của ... (ghi rõ tên của chủ đầu tư yêu cầu báo giá),
chúng tôi...(ghi tên, địa chỉ nhà cung cấp) báo giá cung cấp suất ăn như sau:

1. Báo giá cung cấp suất ăn.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
...					
Tổng cộng					

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng ... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm...
(ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày).

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin ghi trên báo giá là trung thực.

..., ngày... tháng... năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu)

